

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể
Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân An
tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy QHCTXD tỷ lệ 1/500 dự án Cụm Công nghiệp Tân An tại xã Tân An,

Căn cứ Văn bản số 34/UBND-KTN ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Tân An, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ Văn bản số 1277/SXD-QLQH&PTĐT ngày 28/04/2025 của Sở Xây dựng về việc có ý kiến thẩm định hồ sơ đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân An, tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu;

Xét Hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân An, tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu kèm Tờ trình số 299/TTr-CTC ngày 23/6/2025 của Công ty cổ phần ĐTPT Cường Thuận IDICO;

Xét đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng tại Tờ trình số 94/TTr-KTHT&ĐT ngày 24/6/2025,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân An tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nội dung như sau:

1. Tên đồ án:

Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Tân An tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Vị trí, ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

a. Vị trí và ranh giới:

- Vị trí khu đất lập quy hoạch được xác định theo Bản đồ trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất số 826/2021 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi Trường Đồng Nai ký ngày 21/05/2021 và Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ký ngày 24/05/2021.

- Ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Đông Bắc : Giáp đường Cộ Cây Xoài, khu tái định cư xã Tân An;

+ Phía Đông Nam : Giáp đất công nghiệp (CCN Tân An giai đoạn 2);

+ Phía Nam : Giáp hành lang an toàn đường điện 220kV và 500kV;

+ Phía Tây : Giáp đất nông nghiệp và hàng rào nghĩa trang giáo xứ Gò Xoài;

b. Quy mô nghiên cứu, tỷ lệ lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu đất quy hoạch: khoảng 446.376,80 m²;

- Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

3. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch và tính chất Cụm công nghiệp:

a. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Cụ thể hóa quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Cửu và quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân An

- Quy hoạch phân khu chức năng sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, đáp ứng các yêu cầu về quản lý và thu hút đầu tư.

- Tạo cơ sở cho việc kêu gọi đầu tư các hạng mục trong Cụm công nghiệp; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, giải quyết nhu cầu việc làm cho người lao động của địa phương.

- Tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và đầu tư xây dựng các công trình trên phạm vi đất quy hoạch.

b. Tính chất:

Cụm công nghiệp Tân An là cụm công nghiệp địa phương hỗn hợp, đa ngành nghề nhằm phục vụ cho việc di dời, sắp xếp, thu hút các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương vào đầu tư sản xuất, kinh doanh, ưu tiên các ngành công nghiệp nhẹ, ít gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo các điều kiện kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường hoàn chỉnh đồng bộ, cụ thể:

- Ngành công nghiệp cơ khí và công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí;
- Ngành may mặc, giày da;
- Công nghiệp hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao;
- Công nghiệp chế biến gỗ;
- Công nghiệp chế biến nông sản;
- Một số ngành công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường khác và ưu tiên ngành nghề truyền thống của địa phương.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho đồ án:

- Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật của đồ án được xác định trên cơ sở tuân thủ các chỉ tiêu đã được xác định theo: Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07-2016, QCVN 06-2022 và tuân thủ tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Cụ thể như sau:

a. Tỷ lệ cơ cấu sử dụng đất:

- Đất xây dựng nhà máy – xí nghiệp + phụ trợ: $\leq 70\%$.
- Đất trung tâm điều hành – dịch vụ: 2,0% - 3,0%.
- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 1,5% - 3,0%.

- Đất cây xanh: $\geq 10\%$.
- Đất giao thông: $\geq 14\%$.

b. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Tiêu chuẩn cấp nước:
 - + Khu nhà máy: $30 \text{ m}^3/\text{ha/ngày đêm}$.
 - + Khu điều hành, dịch vụ: $20 \text{ m}^3/\text{ha/ngày đêm}$.
 - + Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: $20 \text{ m}^3/\text{ha/ngày đêm}$.
 - + Nước tưới tiêu cây xanh và giao thông: $10 \text{ m}^3/\text{ha/ngày đêm}$.
- Tiêu chuẩn cấp điện:
 - + Khu nhà máy: 250 kW/ha .
 - + Khu điều hành, dịch vụ: 2400 kW/ha .
 - + Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 150 kW/ha .
 - + Chiếu sáng công cộng: 10 kW/ha .
- Tiêu chuẩn thông tin liên lạc:
 - + Khu nhà máy: 10 máy/ha .
 - + Khu điều hành, dịch vụ: 20 máy/ha .
- Tiêu chuẩn thoát nước: 100% nước cấp.
- Tiêu chuẩn rác thải: $0,5 \text{ tấn/ha/ngày}$.

c. Các chỉ tiêu quản lý xây dựng:

- Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa là 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%.

- Đối với khu trung tâm điều hành – dịch vụ, khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Stt	Chức năng	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao (m)
1	Khu trung tâm điều hành – dịch vụ	35 - 40	02 – 06	08 - 35
2	Khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	30 – 50	01 – 03	≤ 20

Chỉ giới xây dựng: Đối với các lô đất xây dựng nhà máy; khu điều hành – dịch vụ; khu công trình hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 06 m (đối với mặt tiếp giáp đường giao thông và tất cả các ranh còn lại của lô đất).

Một số chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật cần thiết khác sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đảm bảo không nhỏ hơn mức tối thiểu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5. Quy hoạch chức năng sử dụng đất:

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Chức năng	Quy hoạch được duyệt tại quyết định số 428/QĐ-UBND		Quy hoạch điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy - xí nghiệp + phụ trợ	304.404,80	62,36	302.038,59	67,66
	- Đất XD các nhà máy - xí nghiệp	255.888,60	52,42	209.555,49	46,94
	- Đất xây nhà máy - xí nghiệp hiện hữu (Công ty TNHH SX Nội thất Mỹ; Công ty TNHH GỖ Hố Nai M&M)	48.516,20	9,94	92.483,10	20,72
2	Đất trung tâm điều hành - dịch vụ	15.370,60	3,15	10.743,67	2,41
3	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	14.695,40	3,01	8.912,33	2,00
	- Trạm xử lý nước thải	4.328,00	0,89	4.591,11	1,03
	- Bãi xe - CTR	6.312,70	1,29	3.361,95	0,76
	- Trạm cấp nước	4.054,70	0,83	959,27	0,21
4	Đất cây xanh	86.109,60	17,64	56.101,24	12,57
	- Đất cây xanh tập trung	24.711,70	5,06	40.489,50	9,07
	- Đất cây xanh cách ly	61.397,90	12,58	15.611,74	3,50
5	Đất giao thông	67.582,90	13,84	68.580,97	15,36
	- Đất giao thông đối nội	67.582,90	13,84	63.637,87	14,25
	-Đất giao thông đối ngoại	0	0	4.943,10	1,11
TỔNG CỘNG:		488.163,30	100	446.376,80	100

6. Quy hoạch phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Với giải pháp tổ chức hệ thống giao thông đơn giản, tiếp cận dễ dàng tới các khu vực chức năng của Cụm Công nghiệp; giải pháp này được hình thành bởi các tuyến đường chính, phụ trong CCN. Trục tổ hợp không gian chính trong CCN

là trục giao thông chính hướng Đông Bắc – Tây Nam trong CCN. Đây là giải pháp quy hoạch có nhiều ưu điểm, thuận lợi cho việc phân chia lô đất, tạo cho CCN có bố cục không gian trật tự, thuận lợi tổ chức giao thông và bố trí hạ tầng kỹ thuật.

- Đất khu trung tâm điều hành – dịch vụ: Tại cửa ngõ ra vào của cụm công nghiệp, ngã ba giữa hai trục đường Cộ Cây Xoài và trục đường chính ra vào của cụm công nghiệp, bố trí Khu điều hành - Dịch vụ hiện đại bề thế, với tầng cao (2 - 6 tầng) . với tổng diện tích 10.743,67 m² chiếm 2,41% diện tích toàn cụm công nghiệp. Tạo điểm nhấn về kiến trúc và không gian cho cụm công nghiệp.

- Đất xây dựng nhà máy – xí nghiệp: Trên cơ sở tổ chức mạng lưới đường nội bộ cụm công nghiệp, bố trí đất xây dựng nhà máy – xí nghiệp có hình dáng và diện tích thuận lợi nhất, trải đều toàn khu quy hoạch, được chia làm các khu, phân định bởi đường giao thông. Tổng diện tích 302.038,59 m² (Bao gồm đất nhà máy – xí nghiệp hiện hữu), chiếm tỷ lệ 67,66% diện tích toàn cụm công nghiệp.

- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật bố trí ở những nơi hợp lý, lùi vào bên trong đảm bảo nhu cầu phục vụ cho các khu chức năng trong cụm công nghiệp. Với tổng diện tích 8.912,33 m² , chiếm tỷ lệ 2,00% diện tích toàn cụm công nghiệp.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích 56.101,24 m² chiếm 12,57% diện tích toàn cụm công nghiệp. Bao gồm khu cây xanh cách ly, khu cây xanh tập trung tại khu vực Tây Bắc và dãy cây xanh dọc bên trái trục chính từ đường Cộ vào đến giữa Cụm Công nghiệp sẽ có tác dụng bảo vệ môi trường và đóng góp về mặt cảnh quan cho cụm công nghiệp. Khu công viên cây xanh tập trung kết hợp công viên đường dạo nhằm phá vỡ sự cứng nhắc khô khan đơn điệu của các khối công trình nhà xưởng, làm thay đổi nhịp điệu không gian, cải tạo vi khí hậu cho khu vực.

- Đất giao thông: Tổng diện tích 68.580,97 m², chiếm tỷ lệ 15,36% diện tích toàn cụm công nghiệp.

7. Quy hoạch Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch san nền:

- Do đặc điểm địa hình khu công nghiệp khá phức tạp, đây là khu vực có địa hình cao và không ngập nước, hướng dốc của địa hình có nhiều chỗ lồi lõm, nhưng hướng dốc chủ đạo vẫn là dốc về phía Tây, do đó phương án san nền được xác định là tạo hướng dốc địa hình từ Đông sang Tây, tạo mặt bằng trong khu công nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thoát nước mưa cho các lô đất thoát hết về phía Tây Nam, ra mương nước rồi ra Rạch Lăng.

- Cao độ thiết kế lớn nhất 15.2 m tại vị trí đường phía sau nhà máy Tuấn Lộc, và thấp nhất 8.0 m tại vị trí cửa xả ra rạch Lăng.

b. Quy hoạch giao thông:

- Bố trí trục đường trung tâm có quy mô lớn đảm bảo cân bằng chức năng giao thông và không gian kết nối trực tiếp với các đường nhánh nội bộ, đề xuất giữ nguyên hướng tuyến quy mô lộ giới và mặt cắt ngang như quy hoạch cũ;

- Bố trí tổ chức lại các tuyến đường giao thông nội bộ phù hợp với ranh dự án điều chỉnh.

Cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

St t	Tên đường	Lộ giới	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	D1	28	8-12-8	427	Đường trung tâm kết nối ra đường Cộ Cây Xoài (Tên cũ Đường số 1)
2	D2	22	7-8-7	484	Điều chỉnh qua Nghĩa trang Gò Xoài (Tên cũ đường Số 2)
3	D3	28	8-12-8	406	Đoạn nối tiếp đường Trung Tâm (Tên cũ đường Số 1)
4	D4	18	7-8-3	293	Tên cũ đường số 3
5	N1	22	7-8-7	156	Tên cũ đường số 2
6	N2	22	7-8-7	235	Tên cũ đường số 3
7	N3	22	7-8-7	116	Tên cũ đường số 3
8	N4	22	7-8-7	450	Tên cũ đường số 3
9	D5	14	3-8-3	162	Đường nhựa hiện hữu: Cặp bên công ty TNHH Tuấn Lộc
Tổng cộng				2.729	

c. Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải công nghiệp và sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa là công trình BTCT bố trí dưới vỉa hè chạy dọc các tuyến đường, hướng thoát nước chính cho toàn Cụm công nghiệp sẽ từ Đông sang Tây và thoát ra Rạch Lãng.

d. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Công ty cấp nước Đồng Nai đã thống nhất cung cấp nước sạch trực tiếp cho cụm công nghiệp với công suất dự kiến 1.400 m³/ngày.

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước theo dạng mạch vòng khép kín, đảm bảo khả năng cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dùng nước sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy khi cần thiết. Ống cấp nước dự kiến dùng ống HDPE, với độ sâu chôn ống tối thiểu đến đỉnh là 1,0m. Trên mạng lưới bố trí các họng cứu hỏa, các van xả khí và xả cặn, các van khóa cần thiết khác cũng như các

van chờ sẵn để cấp nước cho từng nhà máy.

- Tổng nhu cầu dùng nước: $Q = 1.400 \text{ m}^3/\text{ngày}$

đ. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải trong cụm công nghiệp thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, thiết kế trên nguyên tắc tự chảy.

- Hệ thống thoát nước thải trong cụm công nghiệp được chia làm hai phần:

+ Hệ thống riêng trong từng nhà máy: là công trình xử lý ngay tại nhà máy trước khi xả ra cống bên ngoài để loại bỏ các chất đặc biệt (dầu mỡ, kim loại, hóa chất) để không ảnh hưởng tới quá trình xử lý của nhà máy xử lý chung theo quy định của cụm công nghiệp.

+ Hệ thống thu gom bên ngoài nhà máy dẫn đến khu xử lý tập trung làm sạch lần hai: là hệ thống thu gom nước thải của từng nhà máy để đưa về khu xử lý tập trung, rồi mới xả ra mạng nước mưa, ra Rạch Lăng.

- Mạng lưới thoát nước: Dựa theo cao độ san nền bố trí các tuyến cống thoát nước thải dọc theo các tuyến đường, nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp được nối vào mạng lưới qua các hố ga rồi dẫn về Trạm xử lý nước thải. Sử dụng cống thoát nước là cống BTCT.

- Trạm xử lý nước thải: đặt tại vị trí Tây Nam cụm công nghiệp, đây là vị trí có địa hình thấp nhất thuận lợi cho đường ống tự chảy về.

+ Công suất trạm xử lý nước thải: $Q = 1.200 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Công nghệ xử lý nước thải dự kiến kết hợp các phương pháp xử lý cơ học, xử lý hóa lý / học, xử lý sinh học.

- Rác thải: Tiêu chuẩn rác thải công nghiệp: 0,5 tấn/ha/ngày; Tổng khối lượng rác thải của khu quy hoạch: 25 tấn/ngày; Rác từ các nhà máy xí nghiệp sẽ được thu gom, phân loại và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định; Vị trí trung chuyển chất thải: nằm bên cạnh nhà máy xử lý nước thải.

e. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng điện: Khoảng 8.620 kVA.

- Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho Cụm công nghiệp là Trạm biến áp 110kV Tân An đã được Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai đầu tư.

- Hệ thống cấp điện trung hạ thế được thiết kế đi nổi trên trụ bê tông, hệ thống điện chiếu sáng được ngầm hoá (Hệ thống điện trung thế do điện lực đầu tư).

g. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn: Hệ thống thông tin liên lạc cho cụm công nghiệp Tân An sẽ là một hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của bưu điện tỉnh Đồng Nai hiện có

tại khu vực.

- Tổng số thuê bao toàn cụm công nghiệp: 343 thuê bao.
- Mạng lưới thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia, bao gồm: các tuyến cống bê và cáp đồng sẽ được đi ngầm đến chân các công trình.

8. Danh mục hồ sơ đồ án:

- Hồ sơ trình duyệt chính thức thực hiện theo quy định của Luật quy hoạch, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

9. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

Nội dung đánh giá môi trường Thực hiện theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Tân An, quy mô diện tích 446.376,8 m².

10. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
- Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn vốn của nhà đầu tư.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Đa Điểm.
- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND huyện Vĩnh Cửu

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy QHCTXD tỷ lệ 1/500 dự án Cụm Công nghiệp Tân An tại xã Tân An.

Trên cơ sở quy hoạch chi tiết được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND xã Tân An, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO có trách nhiệm:

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc công bố công khai quy hoạch và tuân thủ xây dựng, quản lý quy hoạch theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.
- Căn cứ quy hoạch được duyệt, thực hiện các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công, thực hiện đầu tư xây dựng tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.
- Trong quá trình thiết kế các bước tiếp theo, liên hệ với các cơ quan chuyên ngành để thỏa thuận các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp, vị trí đấu nối hạ tầng chung của khu vực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế,

Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch, Trưởng phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Tân An; Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- C, PCVP HĐND&UBND huyện;
- Các Sở: Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Tài chính.
- Lưu VT

TM/UBND HUYỆN VINH CỬU
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Phương